

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-ST
Ngày: 08/02/2018
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường.

2. Bà Nguyễn Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga –Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Đào Văn N, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Long Hòa, huyện C, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Phúc Ch, sinh năm 1972 (giấy ủy quyền ngày 25/10/2017).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Nhựt Chánh, huyện B, tỉnh L.

*** Bị đơn:**

1. Ông Trần Thanh Ph, sinh năm 1987.

2. Bà Đinh Thị Thu Ng, sinh năm 1987.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng: Ông Trần Thanh Ph, sinh năm 1987 (giấy ủy quyền ngày 30/01/2018).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã Nhựt Chánh, huyện B, tỉnh L.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Trần Phúc Ch đại diện theo ủy quyền của ông Đào Văn N trình bày: Do quen biết nên vào ngày 15/11/2014 ông Đào Văn N cho ông Trần

Thanh Ph và bà Đinh Thị Thu Ng vay số tiền 865.000.000đ (tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng), với lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn vay là 01 năm từ ngày 15/11/2014 đến 15/11/2015 theo Hợp đồng vay tiền có công chứng tại Văn phòng Công chứng Long Hòa nhưng sau khi ký hợp đồng và nhận đủ tiền vay, kể từ ngày vay đến nay ông Ph và bà Ng không trả tiền lãi và nợ gốc.

Nay ông đại diện cho ông N yêu cầu ông Ph và bà Ng liên đới trả cho ông N số tiền 865.000.000đ (tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và 373.680.000đ tiền lãi ($865.000.000đ \times 36 \text{ tháng} \times 1,2\%$), tổng cộng là 1.238.680.000đ (một tỷ hai trăm ba mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Theo bản tự khai ngày 25/01/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Trần Thanh Ph cũng là người đi diện cho bị đơn Đinh Thị Thu Ng trình bày: Vào ngày 15/11/2014 vợ chồng ông có ký tên vào Hợp đồng vay tiền với nội dung vợ chồng ông có vay của ông Đào Văn N số tiền 865.000.000đ (tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng), với lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn vay là 01 năm từ ngày 15/11/2014 đến 15/11/2015 tuy nhiên vợ chồng ông không phải nhận tiền một lần với số tiền 865.000.000đ mà nhận nhiều lần từ ông N mới đủ số tiền như trên và tại thời điểm ký Hợp đồng vay tiền thì hợp đồng này không có công chứng. Nay vợ chồng ông đồng ý trả cho ông N số tiền gốc 865.000.000đ (tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và chỉ đồng ý trả lãi 1,2%/tháng đối với số tiền 865.000.000đ (tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 năm từ ngày 15/11/2014 đến ngày 15/11/2015 với phương thức trả là từ ngày 01/3/2018 đến ngày 01/3/2021 mỗi tháng trả 5.000.000đ đến 10.000.000đ; sau ngày 01/3/2021 trở đi trả cho ông N mỗi tháng 10.000.000đ đến 20.000.000đ đến khi hết nợ.

Đối với khoản lãi suất còn lại không đồng ý trả vì thời hiệu khởi kiện đã hết nên yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với phần lãi suất sau ngày 15/11/2015; đồng thời vợ chồng ông chỉ nợ ông N khoản tiền 865.000.000đ (tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng) nói trên, ngoài ra không còn khoản nợ nào khác trong quá khứ.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 01 bản sao chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu; 02 giấy ủy quyền, 01 hợp đồng vay tiền, 01 bản tự khai, 03 giấy yêu cầu xác minh nơi cư trú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Đào Văn N khởi kiện ông Trần Thanh Ph và bà Đinh Thị Thu Ng để tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 163, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015, Tòa

án nhân dân huyện B, tỉnh L thụ lý, giải quyết là theo quy định của pháp luật hiện hành.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Ông Trần Phúc Ch đại diện theo ủy quyền của ông Đào Văn N cho rằng vào ngày 15/11/2014 ông Trần Thanh Ph và bà Đinh Thị Thu Ng có vay của ông Đào Văn N số tiền 865.000.000đ (tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng), với lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn vay là 01 năm từ ngày 15/11/2014 đến ngày 15/11/2015. Tại phiên tòa, ông Trần Thanh Ph cũng là người đại diện cho bà Đinh Thị Thu Ng thừa nhận có vay của ông N số tiền như trên và đến nay chưa trả nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa vợ chồng ông Ph đồng ý trả cho ông N số tiền gốc 865.000.000đ và tiền lãi 1,2%/tháng, thời hạn vay là 01 năm từ ngày 15/11/2014 đến ngày 15/11/2015, tổng cộng 989.560.000đ theo phương thức: từ ngày 01/3/2018 đến ngày 01/3/2021 mỗi tháng trả 5.000.000đ đến 10.000.000đ; sau ngày 01/3/2021 trở đi trả mỗi tháng 10.000.000đ đến 20.000.000đ đến khi hết nợ. Điều này không được ông Ch (đại diện cho ông N) đồng ý và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”, không có quy định về trả nợ dần. Vì vậy, cần xem xét buộc ông Ph và bà Ng trả nợ một lần cho ông N số nợ gốc 865.000.000đ (tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

[3.3] Đối với phần lãi suất, các bên thống nhất mức lãi suất đã thỏa thuận là 1,2%/tháng, không ai có yêu cầu xem xét điều chỉnh phần lãi suất và ông Ph chỉ đồng ý trả lãi trong thời hạn 12 tháng từ ngày 15/11/2014 đến 15/11/2015 với số tiền 124.560.000đ; không đồng ý trả khoản lãi từ ngày 16/11/2015 đến nay vì đã hết thời hiệu khởi kiện và yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để ông Ph, bà Ng được miễn việc thực hiện nghĩa vụ về phần lãi suất từ ngày 16/11/2015 đến nay đối với ông N.

Tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là hai năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm phạm*”. Và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*”.

[3.4] Các bên chưa thực hiện hoàn thành quyền và nghĩa vụ của mình phát sinh từ hợp đồng vay ngày 15/11/2014 và xảy ra tranh chấp tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật (ngày 01/01/2017) nên cần áp dụng Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 về thời hiệu khởi kiện. Do đó, việc nguyên đơn Đào Văn N khởi kiện ông Ph, bà Ng tính từ ngày biết quyền lợi bị xâm đến ngày khởi kiện là 2 năm 03 tháng nên còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định. Từ đó, ông Ph yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện để không đồng ý trả lãi suất cho ông N là

không có cơ sở chấp nhận cần buộc ông Ph, bà Ng có trách nhiệm liên đới trả cho ông N khoản nợ gốc 865.000.000đ (tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và 373.680.000đ tiền lãi (865.000.000đ x 36 tháng x 1,2%), tổng cộng là 1.238.680.000đ (một tỷ hai trăm ba mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) là có lợi cho ông Ph, bà Ng một phần bởi lẽ tính từ ngày 15/11/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/02/2018) là 38 tháng 23 ngày nhưng ông N chỉ yêu cầu tính lãi trong thời hạn 36 tháng.

[4] Về án phí: Ông Trần Thanh Ph và bà Đinh Thị Thu Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền có nghĩa vụ trả cho ông N theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 163, 357, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn N.

Buộc ông Trần Thanh Ph và bà Đinh Thị Thu Ng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đào Văn N số tiền 1.238.680.000đ (một tỷ hai trăm ba mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó 865.000.000đ (tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và 373.680.000đ (ba trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

2. Về án phí:

Buộc ông Trần Thanh Ph và bà Đinh Thị Thu Ng có trách nhiệm liên đới chịu 49.160.400 đồng (bốn mươi chín triệu một trăm sáu mươi nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Đào Văn N 24.580.200 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông N đã tạm nộp theo biên lai thu số 0006085 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L.

3. Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm vụ án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;.
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh